

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2022/HS-ST**

Ngày 28 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Cung.

2. Bà Hoàng Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2022/TLST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh L**, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1995 tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn Q, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2022 đến ngày 09/5/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định và tạm giam đến ngày 16/6/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Đăng T**, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1992 tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đăng N, sinh năm 1966 và bà: Trịnh Thị T, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2022 đến ngày 09/5/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Yên Định và tạm giam đến ngày 08/6/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Thị Thu Th**, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2001 tại xã K, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn O, sinh năm 1976 và bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1977; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/3/2020, bị công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Bị cáo đã nộp tiền phạt ngày 12/03/2020).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2022 đến ngày 09/5/2022 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Vi Thị L1**, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1996 tại xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm Hưng Tiến, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn Nhất (đã chết) và bà: Vi Thị Nhất (đã chết); Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, có chồng Quang Văn T, sinh năm 1994 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2022 đến ngày 09/5/2022 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị L1*: Bà Nguyễn Thị Ngà, trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Hoàng Đạt Q, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Xóm T, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng*: Anh Bùi Ngọc S, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P1, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 29/4/2022, Trịnh L ở thôn Đ, xã V, huyện V gọi điện thoại cho Lê Đăng T, là người cùng xã, rủ T sang huyện Yên Định đi hát karaoke và sử dụng ma túy thì T đồng ý. Sau đó, L đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 36B3 - 482.59 đến nhà T để đón T. Tại đây, L gọi điện thoại cho người đàn ông tên là Q ở thôn Xóm T, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa hỏi mua 01 chỉ “ke” (ma túy loại Ketamine) và 02 viên kẹo (ma túy loại MDMA). Q đồng ý và hẹn L ra khu vực cầu Xóm T để lấy ma túy. L đi xe máy ra địa điểm đã hẹn để lấy ma túy, sau đó cất ma túy vào bên trong túi quần của mình rồi quay về đón T đến quán cà phê ở địa bàn xã V, huyện V. Trong lúc ngồi uống cà phê L nói với T: “Em không có tiền ở đây, anh em đi chơi tiền hát và tiền mua ma túy bao nhiêu về anh em chia đôi”. T đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airlbade, biển kiểm soát 36B3 - 482.59 chở L sang quán karaoke Cường Dương, thuộc địa phận thôn Hồ Thôn, xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Khi đến quán Karaoke Cường Dương, L gặp chủ quản lý quán là anh Nguyễn Tuấn C đặt 01 phòng hát và gọi 02 nhân viên phục vụ vào rót bia. Cường sắp xếp cho L và T vào phòng hát Vip 4, bố trí 02 nhân viên phục vụ là Trần Thị Thu Th (địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên) và Vi Thị L1 (địa chỉ: Xóm Hưng Tiến, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An) vào rót bia. Một lúc sau, L lấy ra 02 viên ma túy màu hồng dạng “kẹo” đưa cho L1 và nói L1 bẻ ra chia cho mọi người trong phòng mỗi người một phần (nửa viên), L1 cầm một nửa viên để sử dụng. Khi tất cả sử dụng ma túy dạng “kẹo” xong, L tiếp tục đưa cho L1 02 túi ma túy loại ketamine và nói với L1: “Em xào đi”. L1 trả lời: “Em không biết xào” thì L nói L1 “đưa cho Th xào”. Th ra ngoài quầy phục vụ lấy 01 đĩa sứ, 01 bật lửa và 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ vào phòng rồi Th đưa đĩa sứ và bật lửa cho L1 bảo L1 đi hơi đĩa cho nóng. L1 cầm đĩa vào nhà vệ sinh khép kín cửa phòng Vip 4, rồi dùng bật lửa đốt để hơi nóng đĩa. Sau khi hơi đĩa xong L1 cầm vào phòng rồi đưa 02 túi Ketamine cho Th để Th “xào”. Th bật đèn flash điện thoại của mình đưa cho L1 bảo L1 soi đèn để cho Th “xào ke”. Th đổ 02 túi ketamine ra đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa để “xào” (dầm nhỏ các hạt ke sau đó trộn đều và kẻ thành các đường ke). Lúc này L dùng tờ tiền mệnh giá 20.000đ cho vào đầu lọc thuốc lá cuộn thành ống hút, dùng để sử dụng ma túy. Th “xào” ma túy xong thì bê đĩa “ke” lại cho T, L và L1 sử dụng. Khi sử dụng xong L1 bê đĩa “ke” cho Th sử dụng. Đến khoảng 02 giờ ngày 30/4/2022, khi Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Định phát hiện, bắt quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng gồm: 01 đĩa sứ tròn màu trắng, 03 túi nilon màu trắng viền xanh; 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ; 01 ống hút được cuộn từ tờ tiền polyme mệnh giá 20.000đ (tất cả các đồ vật trên đều bám dính chất bột màu trắng); 01 túi nilon màu trắng viền đỏ bên trong chứa chất bột màu hồng có tổng khối lượng 0,018g; 01 chiếc điện thoại

Iphone Xs Max màu vàng gold đã qua sử dụng bên trong lắp sim số thuê bao 0911.954.881 của Trần Thị Thu Th; 01 chiếc điện thoại Iphone 8 màu đen đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số thuê bao 0347.536.832 của Trịnh L; 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen cam biển kiểm soát 36B3 - 482.59 đã qua sử dụng. Kết quả xét nghiệm nước tiểu cho thấy: Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đều dương tính với ma túy (BL số 02-03, 181-183, 228-232, 271-275, 327-331).

Tại bản kết luận giám định số 1603/KL-KTHS ngày 06/5/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa xác định:

- Chất bột màu hồng của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Trịnh L” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,018g, loại MDMA.

- Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt đĩa sứ màu trắng hình tròn gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất bột màu trắng.

- Chất bột màu trắng bám dính bên trong 03 túi nilon màu trắng viền xanh gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất bột màu trắng.

- Chất bột màu trắng bám dính trên thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ, gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất bột màu trắng.

- Chất bột màu trắng bám dính trên ống hút được cuốn từ tờ tiền polyme mệnh giá 20.000đ, gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất bột màu trắng (BL 13 - 14).

Quá trình điều tra, Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đã thành khẩn khai báo về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Lời khai của L, T, Th và L1 phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định ma túy cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đã tổ chức trái phép chất ma túy tại phòng hát Vip 4, quán Karaoke Cường Dương, thuộc địa phận thôn Hồ Thôn, xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập của Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đều là lao động tự do, không có tài sản riêng gì.

Về vật chứng vụ án gồm: Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì và thùng giấy; 0,011g chất bột màu hồng của phong bì mặt trước có ghi “Trịnh L” (là số ma túy còn lại sau giám định), 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn trên bề mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, 03 túi nilon màu trắng viền xanh, 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000đ.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng gold đã qua sử dụng, có số IMEI: 357276098300820, bên trong có gắn sim số thuê bao 0911 954 881;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 354896096653848, bên trong có gắn sim số thuê bao 0347 536 832;

- 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen cam, biển kiểm soát 36B3 – 482.59 là tài sản của ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1972, ở thôn Đ, xã V, huyện V (là bố đẻ của Trịnh L). Việc Trịnh L sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ông Quang không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu ông Trịnh Văn Q.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSYĐ ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Đề nghị HĐXX:

Xử phạt: Trịnh L từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2022 đến ngày 16/6/2022. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Lê Đăng T từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2022 đến ngày 08/6/2022. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Đề nghị HĐXX:

Xử phạt: Trần Thị Thu Th từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng, hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2022;

Xử phạt: Vi Thị L1 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng, hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2022;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng gold đã qua sử dụng, có số IMEI: 357276098300820, mặt sau bên cạnh camera có vết rạn nứt, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 354896096653848 và 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm: 01 sim điện thoại có số thuê bao 0911 954 881 và 01 sim điện thoại có số thuê bao 0347 536 832; Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì và thùng giấy, 0,011g chất bột màu hồng của phong bì mặt trước có ghi “Trịnh L”, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn trên bề mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, 03 túi nilon màu trắng viền xanh, 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ là mẫu vật còn lại sau giám định được đựng trong 01 thùng giấy được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Văn Cao và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa và 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng.

Số vật chứng đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét thực hiện theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị L1 đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện nảy sinh tội phạm, hoàn cảnh gia đình của bị cáo L1 bố mẹ mất sớm, có thời gian bị cáo phải ở tại trại trẻ mồ côi, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để xử phạt bị cáo Vi Thị L1 mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2022. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Vi Thị L1 thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo L, T và Th không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng, đều nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; hành vi của Kiểm sát viên,

quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đã hoàn toàn thừa nhận: Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30/4/2022, tại phòng hát VIP 4, quán Karaoke Cường Dương ở thôn Hồ Thôn, xã Định Hưng, huyện Yên Định, công an huyện Yên Định phối hợp với công an xã Định Hưng phát hiện bắt quả tang các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đang có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận của các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho từ 02 người trở lên nên phải chịu T tiết định khung là “đối với 02 người trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hậu quả của việc sử dụng ma túy đã ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

Đánh giá tính chất đồng phạm là giản đơn, Trịnh L là người khởi xướng, trực tiếp liên hệ đi mua ma túy, chỉ đạo cho Th và L1 “xào” ma túy để mọi người sử dụng nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; Lê Đăng T là người thực hành tích cực, đồng ý góp tiền với L để mua ma túy sử dụng nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án; Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 là người thực hiện theo yêu cầu của L, trực tiếp “xào” ma túy và mời mọi người sử dụng nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án là phù hợp.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Trịnh L và Lê Đăng T có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Thị Thu Th, có nhân thân xấu, do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2020 bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa bản thân mà tiếp tục có hành vi giúp sức cho các đồng phạm khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên bị cáo lần đầu phạm tội, có vai trò thứ yếu trong vụ án; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Vi Thị L1 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, tham gia với vai trò giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Th và bị cáo L1, phạm tội với vai trò giúp sức, có 02 T tiết giảm nhẹ ở Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, với tính chất của vụ án rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đưa chất ma túy vào cơ thể của bản thân mình là nguy hiểm nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân thành công dân tốt.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T bị tạm giữ, tạm giam nên cần trừ thời gian tạm giữ, tạm giam cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc bố mẹ; bị cáo Vi Thị L1 thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với anh Nguyễn Tuấn C, là quản lý quán karaoke Cường Dương, tại thời điểm các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy ở quán anh không biết và không cho phép việc sử dụng ma túy nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với người bán ma túy cho Trịnh L: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, L khai vào tối ngày 29/4/2022, L gọi điện thoại mua ma túy của Hoàng Đạt Q, sinh năm 1996, ở thôn Xóm T, xã V, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng do trời tối nên khi giao ma túy cho L thì L không nhìn rõ chính xác đó có phải là Q hay không. Hoàng Đạt Q không thừa nhận việc đã bán ma túy cho L. Ngoài lời khai của L, không còn tài liệu chứng cứ nào chứng minh hành vi bán ma túy của Q. Vì vậy, trong vụ án này xét thấy chưa có đủ cơ sở để xử lý đối với Q về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, nếu có đủ cơ sở sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với một tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng gold đã qua sử dụng, có số IMEI: 357276098300820, mặt sau bên cạnh camera có vết rạn nứt của Trần Thị Thu Th, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 354896096653848 của Trịnh L là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng; 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0911 954 881 của Trần Thị Thu Th và 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0347 536 832 của Trịnh L là công cụ liên quan đến việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với mẫu vật còn lại sau giám định gồm toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì và thùng giấy, 0,011g chất bột màu hồng của phong bì mặt trước có ghi “Trịnh L”, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn trên bề mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, 03 túi nilon màu trắng viền xanh, 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ được đựng trong 01 thùng giấy được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Văn Cao và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa. Đây là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen cam, biển kiểm soát 36B3 – 482.59 là tài sản của ông Trịnh Văn Q. Việc Trịnh L sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ông Quang không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Quang là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T và Trần Thị Thu Th bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo Vi Thị L1 thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L1.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th và Vi Thị L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh L 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 (một) tháng 18 (mười tám) ngày (tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 16/6/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) năm 01 (một) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đăng T 07 (*bảy*) năm tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 (*một*) tháng 10 (*mười*) ngày (tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 08/6/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 06 (*sáu*) năm 10 (*mười*) tháng 20 (*hai mươi*) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 255, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu Th 06 (*sáu*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2022.

Xử phạt: Bị cáo Vi Thị L1 06 (*sáu*) năm tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng gold đã qua sử dụng, có số IMEI: 357276098300820, mặt sau bên cạnh camera có vết rạn nứt và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 354896096653848;

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0911 954 881; 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0347 536 832; Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì và thùng giấy, 0,011g chất bột màu hồng của phong bì mặt trước có ghi “Trịnh L”, 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn trên bề mặt đĩa có bảm dính chất bột màu trắng, 03 túi nilon màu trắng viền xanh, 01 thẻ thanh toán Sacombank màu đỏ được đựng trong 01 thùng giấy được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Văn Cao và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa và 01 bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định theo phiếu nhập kho số NK54 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trịnh L, Lê Đăng T, Trần Thị Thu Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Thị L1.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Quang được quyền kháng

cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa